

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 10-10-2019  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,  
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Bích Diệp

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Hiếu

Bà Nguyễn Minh Hằng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Lê Kim Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Vân A; ĐKHKTT: Số 278B L, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 3, B16, tổ dân phố Đ2, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N; ĐKHKTT: Số 278B L, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 3, B16, tổ dân phố Đ2, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Hoàng Thị Vân A trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường L, quận N, thành phố Hải Phòng vào ngày 10 tháng 9 năm 2004. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính cách và quan điểm sống không phù hợp. Năm 2012, chị đã có đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân quận Hải An nhưng sau khi được gia đình và Tòa án hòa giải, chị đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nhưng từ đó đến nay, mâu thuẫn vợ chồng không những không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng, anh N còn đe dọa và có hành vi sử dụng bạo lực với chị. Trong 06 năm qua, tuy sống chung một nhà nhưng vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, gia đình không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Nguyễn Văn N được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh N có một con chung là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2006. Trường hợp vợ chồng ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu H cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh N phải đóng góp tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh N có tài sản chung là nhà đất tại số 3, B16, tổ dân phố Đ2, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng và thửa đất có diện tích 75m<sup>2</sup> tại xóm N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Những tài sản trên có nguồn gốc là do chị và anh N lao động, tiết kiệm tiền để mua và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị và anh N. Nếu vợ chồng ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao nhà đất tại số 3, B16, tổ dân phố Đ2, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng cho chị sở hữu, sử dụng và giao thửa đất tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định cho anh N sử dụng; chị không yêu cầu anh N phải thanh toán phần giá trị chênh lệch chia tài sản.

Ngoài ra, vợ chồng còn có một số tài sản khác như: ô tô, xe máy, đồ dùng sinh hoạt trong gia đình và tiền vốn hoạt động tại cửa hàng điện thoại nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị và anh N không vay nợ của ai và cũng không cho ai vay nợ.

*Tại các biên bản lấy lời khai và trong quá trình xét xử, bị đơn là anh Nguyễn Văn N trình bày:*

Anh cũng thống nhất với lời trình bày của chị Hoàng Thị Vân A về thời gian và địa điểm vợ chồng đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn, còn bất đồng về tính cách và quan điểm sống thì không tránh khỏi; vợ chồng cũng có xảy ra cãi nhau nhưng không quá to tiếng, làm ảnh hưởng đến hàng xóm láng giềng, anh không có hành vi sử dụng bạo lực với chị Vân A. Tuy nhiều năm qua vợ chồng không thường xuyên gặp mặt, không ăn cơm chung, không nói chuyện, không can thiệp vào cuộc sống riêng của nhau nhưng lý do chị Vân A xin ly hôn với anh không phải bắt

nguồn từ mâu thuẫn vợ chồng mà do chị Vân A có quan hệ tình cảm với người khác. Tuy rất mong muốn vợ chồng được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con trưởng thành nhưng do chị Vân A kiên quyết xin ly hôn và trên thực tế cuộc sống chung giữa anh và chị Vân A trong nhiều năm qua luôn căng thẳng, không hạnh phúc nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị Vân A.

Về con chung: Anh và chị Vân A có một con chung là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2006. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cháu H cho anh trực tiếp nuôi dưỡng; anh không yêu cầu chị Vân A phải đóng góp tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị Vân A có tài sản chung là nhà đất tại số 3, B16, tổ dân phố Đ2, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng và thửa đất tại xóm N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định như chị Vân A đã trình bày. Khi vợ chồng ly hôn, anh đồng ý nhận sử dụng thửa đất tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định và giao nhà đất tại số 3, B16, tổ dân phố Đ2, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng cho chị Vân A sở hữu, sử dụng; anh không phải trả khoản tiền chênh lệch chia tài sản cho chị Vân A. Ngoài ra, vợ chồng còn có một số tài sản chung khác là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình nhưng chị Vân A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên anh cũng không có ý kiến về vấn đề này. Anh và chị Vân A không vay nợ của ai và cũng không cho ai vay nợ.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 01 năm 2019, con chung của anh Nguyễn Văn N và chị Hoàng Thị Vân A là cháu Nguyễn Hoàng H trình bày:*

Hiện tại cháu đang sống cùng với bố mẹ. Từ nhỏ đến nay, cháu luôn được bố mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo, sức khỏe và thể chất phát triển bình thường. Nhưng từ lúc lên 03 tuổi, cháu đã cảm nhận được cuộc sống chung của bố mẹ không hạnh phúc. Nếu bố mẹ ly hôn, quan điểm của cháu là mong muốn được ở với mẹ vì suy nghĩ của mẹ phù hợp với cháu hơn và mẹ hiểu cháu hơn.

*Theo Biên bản xác minh ngày 26 tháng 02 năm 2019 tại Tổ dân phố nơi chị Hoàng Thị Vân A và anh Nguyễn Văn N cư trú:*

Chị Hoàng Thị Vân A và anh Nguyễn Văn N kết hôn vào thời gian nào thì địa phương không nắm được nhưng anh chị chuyển về sinh sống tại số nhà 3, B16, tổ dân phố Đ2, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng cách đây khoảng 10 năm. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không phù hợp. Nay chị Vân A có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh chị đoàn tụ; trường hợp chị Vân A vẫn kiên quyết ly hôn thì để anh chị tự quyết định. Anh chị có một con chung khoảng 13 tuổi; nếu vợ chồng ly hôn thì việc giao con cho ai nuôi dưỡng, đề nghị Tòa án xem xét trên cơ sở điều kiện của anh chị và nguyện vọng của cháu.

*Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định:*

Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 05, xóm N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định có diện tích  $75\text{m}^2$ , kích thước cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp đường tỉnh lộ 490 dài 5m.
- Phía Tây giáp mương tiêu nước dài 5m.
- Phía Nam giáp thổ ông H dài 15m.
- Phía Bắc giáp thổ ông Q dài 15m.

*Theo Biên bản định giá tài sản ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định:*

- Quyền sử dụng diện tích  $75\text{m}^2$  đất tại thửa số 22, tờ bản đồ số 05, xóm N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định theo giá thị trường tại thời điểm định giá có giá trị là:  $14.000.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 \times 75\text{m}^2 = 1.050.000.000$  (một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng).

*Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng:*

Thửa đất số 3, tờ bản đồ CB-7; BK: 3, tọa lạc tại địa chỉ số 3, B16, tổ dân phố Đ2, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng có kích thước cụ thể như sau:

- Phía giáp ngõ đi chung dài 3,6m.
- Phía giáp hộ ông T dài 11m.
- Phía giáp hộ ông Đ dài 11m.
- Phía giáp hộ ông T dài 3,6m.

Tổng diện tích là:  $39,6\text{m}^2$ ; trong đó diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là  $9,17\text{m} \times 3,6\text{m} = 33\text{m}^2$  (đảm bảo so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); diện tích đất tăng thêm là  $6,6\text{m}^2$  do gia đình tự coi nói trên phần đất lưu không của ngõ xóm (phần đất này không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Phần diện tích đất hợp pháp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với quy hoạch đất ở.

Trên đất có 01 căn nhà cấp 4, xây 01 tầng, tường xây gạch chỉ (tường hai bên xây chung, tường phía sau xây riêng, bức tường ngăn  $0,22\text{m}$  (cả trát)), mái tôn kẽm mạ màu, trần thạch cao, nền lát gạch men Trung Quốc, công trình phụ khép kín, có gác lửng, diện tích xây dựng là  $39,6\text{m}^2$ .

*Theo Biên bản định giá tài sản ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản quận Hải An, thành phố Hải Phòng:*

- Quyền sử dụng diện tích 33m<sup>2</sup> đất tại thửa số 3, tờ bản đồ CB-7; BK: 3, tọa lạc tại địa chỉ số 3, B16, tổ dân phố Đ2, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng theo giá thị trường tại thời điểm định giá có giá trị là: 15.500.000 đồng/1m<sup>2</sup> x 33m<sup>2</sup> = 511.500.000 đồng.

- Giá trị của toàn bộ tài sản gắn liền với đất là: 79.398.000 đồng.

- Tổng giá trị tài sản (bao gồm cả nhà và đất) theo giá thị trường tại thời điểm định giá là: 590.898.000 đồng (năm trăm chín mươi triệu tám trăm chín mươi tám nghìn đồng).

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn và bị đơn về cơ bản đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị Vân A và anh Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường L, quận N, thành phố Hải Phòng là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn nên từ năm 2013, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, thể hiện hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, anh N và chị Vân A thống nhất thuận tình ly hôn; đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng H cho chị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Vân A không yêu cầu anh N phải đóng góp tiền nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung: Tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận giao nhà đất tại số 3, B16, tổ dân phố Đ2, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng cho chị Vân A sở hữu, sử dụng; giao thửa đất tại xóm N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định cho anh N quản lý, sử dụng; anh N không phải trả khoản tiền chênh lệch chia tài sản cho chị Vân A. Thỏa thuận này của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Chị Vân A và anh N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn là anh

Nguyễn Văn N đang cư trú tại số 3, B16, tổ dân phố Đ2, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị Vân A và anh Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường L, quận N, thành phố Hải Phòng vào ngày 10 tháng 9 năm 2004 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn nên năm 2012, chị Vân A đã có đơn gửi Tòa án xin được ly hôn với anh N nhưng sau khi được hòa giải, chị Vân A đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, từ đó đến nay, quan hệ tình cảm giữa chị Vân A và anh N không có sự thay đổi tích cực mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; từ năm 2013 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình; vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tại phiên tòa, chị Vân A và anh N đều xác nhận, nhiều năm qua, cuộc sống chung giữa vợ chồng luôn căng thẳng, không hạnh phúc; vì vậy, anh chị thống nhất thuận tình ly hôn. Xét, việc thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị Vân A và anh Nguyễn Văn N là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Chị Hoàng Thị Vân A và anh Nguyễn Văn N có một con chung là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2006; khi ly hôn, anh chị đều có nguyện vọng được nuôi con. Xét, chị Vân A và anh N đều có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con nhưng con chung của anh chị đang trong độ tuổi trưởng thành, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng không chỉ xem xét đến điều kiện của người cha, người mẹ mà cần xem xét đến tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của con. Quá trình giải quyết vụ án, cháu Nguyễn Hoàng H có lời khai trình bày, nếu bố mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu là được sống cùng mẹ vì mẹ hợp với cháu hơn và hiểu cháu hơn; bản thân anh N cũng thừa nhận, trong cuộc sống hàng ngày, anh không được tham gia đóng góp ý kiến vào việc học tập và dạy dỗ cháu H vì cháu thường không đồng ý với ý kiến của anh. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị Vân A về việc giao con chung Nguyễn Hoàng H cho chị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị Vân A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về chia tài sản: Tài sản chung mà chị Vân A yêu cầu Tòa án phân chia là hai bất động sản gồm nhà đất tại số 3, B16, tổ dân phố Đ2, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng và thửa đất số 22, tờ bản đồ số 05 tại xóm N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Các thửa đất này đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chủ sử dụng là anh Nguyễn Văn N và chị Hoàng

Thị Vân A; anh chị cũng thống nhất xác định đây là tài sản chung của vợ chồng. Tại phiên tòa, chị Vân A và anh N thỏa thuận, chia cho chị Vân A được quyền sở hữu, sử dụng nhà đất tại số 3, B16, tổ dân phố Đ2, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng và chia cho anh N được quyền sử dụng thửa đất số 22, tờ bản đồ số 05 tại xóm N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Xét, thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường C, thửa đất tại số 3, B16, tổ dân phố Đ2, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng có diện tích đo thực tế là 39,6m<sup>2</sup> nhưng diện tích đất được sử dụng hợp pháp (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) chỉ có 33m<sup>2</sup>; phần diện tích đất còn lại là do gia đình tự coi nói làm nhà trên phần đất lưu không của ngõ đi chung, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phải hoàn trả cho Nhà nước khi có yêu cầu. Vì vậy, chị Vân A chỉ được quyền sử dụng đối với phần diện tích đất hợp pháp (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) theo quy định của pháp luật.

[6] Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá, tài sản mà chị Vân A được chia là nhà đất tại số 3, B16, tổ dân phố Đ2, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng có tổng giá trị là 590.898.000 đồng; tài sản mà anh N được chia là thửa đất tại xóm N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định có giá trị là 1.050.000.000 đồng - lớn hơn phần giá trị tài sản mà chị Vân A được hưởng. Xét, những tài sản này do chị Vân A và anh N cùng lao động, tiết kiệm trong nhiều năm mà có; vợ chồng có công sức đóng góp ngang nhau trong việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Vì vậy, lẽ ra tài sản phải được chia đôi và anh N phải có trách nhiệm thanh toán cho chị Vân A khoản tiền chênh lệch chia tài sản. Tuy nhiên, chị Vân A không yêu cầu anh N phải thanh toán khoản tiền chênh lệch này và anh N cũng đồng ý với sự tự nguyện của chị Vân A nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối với các tài sản chung khác, chị Vân A và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Chị Hoàng Thị Vân A nhận nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung của vợ chồng tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng là 590.898.000 đồng. Anh Nguyễn Văn N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung của vợ chồng tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng là 1.050.000.000 đồng.

[9] Về chi phí tố tụng: Chị Hoàng Thị Vân A tự nguyện nộp toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản, không yêu cầu anh Nguyễn Văn N phải hoàn trả số tiền này nên Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 235 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 19, 55, 59, 62, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Các điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị Vân A và anh Nguyễn Văn N.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2006 cho chị Hoàng Thị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hoàng Thị Vân A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản:

3.1. Chia cho chị Hoàng Thị Vân A được quyền sở hữu, sử dụng nhà đất tại thửa số 3, tờ bản đồ CB-7; BK: 3 C, tọa lạc tại địa chỉ số 3, B16, tổ dân phố Đ2, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng (không bao gồm phần diện tích đất coi nói, không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

3.2. Chia cho anh Nguyễn Văn N được quyền sử dụng thửa đất số 22, tờ bản đồ số 05 tại xóm N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định có diện tích 75m<sup>2</sup>.

3.3. Đối với các tài sản chung khác, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí:

4.1. Chị Hoàng Thị Vân A nhận nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và phải nộp 27.635.900 đồng (hai mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung của vợ chồng, tổng cộng là 27.935.900 đồng (hai mươi bảy triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm đồng). Chị Hoàng Thị Vân A đã nộp 12.800.000 đồng (mười hai triệu tám trăm nghìn đồng) - tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0016425 ngày 08 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Chị Hoàng Thị Vân A còn phải nộp tiếp 15.135.900 đồng (mười lăm triệu một trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Anh Nguyễn Văn N phải nộp 43.500.000 đồng (bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung của vợ chồng.

#### 5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường L, quận N, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Bích Diệp**























